

Bản án số: 54/2024/HS-ST

Ngày: 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Quế**Thẩm phán:** Ông Trịnh Xuân Miên**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Minh Hoàng

Ông Hoàng Anh Lý

Ông Phạm Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Kim N, sinh ngày 10/10/1991 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Thái Kim T (đã chết); chồng tên Vũ Văn L, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lâm Văn G của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

- Bị hại, gồm có:

1. Ông Ngô Chi L1, sinh ngày 20/5/1974 (có mặt)

2. Bà Trương Mộng N1, sinh ngày 16/4/1980 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiếp nhận tin tố giác của ông Ngô Chi L1 và vợ là Trương Mộng N1 tố giác bà Trần Kim N có hành vi sử dụng Sổ tiết kiệm giả và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (CNQSD) để lừa đảo chiếm đoạt của ông 01 tỷ đồng và làm thiệt hại gián tiếp hơn 02 tỷ đồng.

Quá trình điều tra được thể hiện như sau: Ông L1 và Trần Kim N có mối quan hệ là anh em bạn dì, khoảng tháng 4 năm 2023 vợ chồng ông L1 có đến nhà N chơi, ông L1 có nói cho N biết ý định của vợ chồng ông muốn mua lại mảnh đất của ông

Trần Minh N2 cho liền với đất của vợ chồng ông ở phía sau để nhập lại thành 01 miếng đất lớn bán cho Công ty do bà T1 làm môi giới, giới thiệu cho vợ chồng ông bán để kiếm lời. N nói với vợ chồng ông L1 hiện giờ N làm ăn rất phát đạt sở hữu nhiều tài sản, nhà và đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau, N đang có 01 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mệnh giá 2,5 tỷ đồng tại Ngân hàng S1 - chi nhánh C1. Nếu vợ chồng ông L1 có cần tiền thì N có thể vay giúp vài trăm triệu đồng. Do có nhu cầu về tiền mặt nên ông L1 nhờ N vay 350 triệu đồng. Ngày 07/5/2023 N đưa cho vợ chồng ông L1 vay 350 triệu đồng, lãi suất 1,5%/tháng, ông L1 có viết biên nhận nợ cho N. Đối với khoản vay này vợ chồng ông L1 đã trả đủ gốc và lãi cho N.

Để cho vợ chồng ông L1 tin tưởng N có tiền gửi tiết kiệm từ đó dễ dàng cho N vay mượn tiền để N chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân. Do vậy khoảng giữa tháng 4 năm 2023 N lên mạng xã hội (Facebook trang mua bán đất) đặt làm 01 Thẻ tiết kiệm (Sổ tiết kiệm) giả do Trần Kim N đứng tên, có địa chỉ ở ấp B xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, mở tại Ngân hàng S1 - chi nhánh C1 hình thức gửi tiết kiệm có kỳ hạn, ngày gửi 27/6/2022, ngày đến hạn 27/6/2023, thời hạn gửi 12 tháng, số tiền gửi 2.500.000.000 đồng, lãi suất 6,3% năm (N mượn làm Thẻ tiết kiệm giả hết 1.200.000 đồng). Khoảng 5-7 ngày sau “người trên mạng” giao T2 tiết kiệm giả cho N qua đường bưu điện, N nhận T2 và giao tiền cho S sau khi nhận được tiền “người” làm giả Thẻ tiết kiệm hủy kết bạn Z với N nên N không nhớ số điện thoại Zalo của người này.

Khi có T2 tiết kiệm giả N đem đến nhà ông L1 cho vợ chồng ông L1 xem, ngoài ra N còn chụp hình gửi Zalo cho vợ chồng ông L1 xem để vợ chồng ông L1 tin là N có nhiều tiền. Ngày 10/5/2023 N gọi điện nói với vợ chồng ông L1, N vừa chốt mua 01 miếng đất tại huyện T nhưng vì Sổ tiết kiệm chưa tới thời hạn rút tiền, nên N đã cầm tạm cho 01 tiệm vàng tại xã T, huyện T để xuống tiền cọc mua đất. N hỏi mượn giấy CNQSD đất của vợ chồng ông L1 đi cầm 1,3 tỷ đồng để trả tiền mua đất và chuộc Sổ tiết kiệm về, N hứa 60 ngày sau N sẽ rút tiền tiết kiệm chuộc Giấy CNQSD đất về trả cho vợ chồng ông L1 và cầm cuốn “Sổ hồng” miếng đất mới mua lấy tiền cho vợ chồng ông L1 mượn 2,7 tỷ đồng để mua đất của ông N2 bán kiếm lời. Tin tưởng vào lời nói của N ngày 15/5/2023 ông L1 cùng N đem giấy CNQSD đất của ông L1 đến tiệm V1, thuộc ấp C xã T, huyện T thế chấp cho ông Dương Minh C (là con của ông Đ) vay 1.300.000.000 đồng. Mặc dù thế chấp vay tiền nhưng giữa vợ chồng ông L1 và vợ chồng ông C lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nói trên và được chứng thực tại Văn phòng C2 vào ngày 17/5/2023.

Ông L1 nhận 1.300.000.000 đồng và đưa hết cho N. N có làm biên nhận cho ông L1 có nội dung: “Hôm nay, ngày 16/5/2023 tôi có mượn quyền sử dụng đất của anh Ngô Chi L1, sinh năm 1974 ngụ tại ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cầm số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn 60 ngày hoàn trả lại cho anh Ngô Chi L1”.

Ngày 20/6/2023, N đem 300.000.000 đồng (trong số 1.300.000.000 đồng cầm Giấy CNQSD đất của ông L1), trả lại cho tiệm vàng Năm Đoàn cộng với tiền lãi phát sinh, nên ông C yêu cầu ông L1 làm lại biên nhận có nội dung “ông L1 nhận đủ 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng ông L1 không trả đủ số tiền trên thì ông C có quyền sang tên Giấy CNQSDĐ của ông L1”.

Do N hứa hẹn cho ông L1 mượn tiền nên ông L1 đi vay mượn bên ngoài để đặt cọc cho ông N2 01 tỷ đồng để mua đất. Đúng hạn N không trả tiền và đưa ra rất nhiều lý do như mất CCCD, bị bệnh, chuẩn bị làm đám cưới vv... Ngày 29/9/2023

ông L1 đến nhà N đòi tiền và nói nếu N không trả tiền ông sẽ đi báo Công an. N đưa cho ông 01 cuốn Sổ hồng (Giấy CNQSDĐ) để làm tin. Sổ này N cũng đặt làm trên mạng. Ngân hẹn 02 ngày nữa sẽ trả tiền cho ông L1 vì ngày 30/9/2023 là ngày cưới của N. Sau đó vợ chồng N kêu ông đưa lại cuốn Sổ hồng để họ đi cầm chỗ khác trả lại tiền cho ông nhưng vẫn không trả. Ông L1 có phô tô cuốn Sổ hồng và Sổ tiết kiệm nhờ đưa cháu kiểm tra mới biết đây là 02 cuốn sổ giả. Sau khi bị ông L1 phát hiện 02 cuốn sổ giả N đã lấy lại xé nhỏ bỏ vào bồn cầu xả nước để tiêu hủy nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Do không có tiền trả tiền mua đất còn bị N lừa 01 tỷ đồng, đến hạn trả tiền nếu ông L1 không trả phải chuyển nhượng QSDĐ đang thế chấp cho ông C nên ông L1 phải chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Hưng P ở thị trấn S huyện T 02 tỷ đồng để trả tiền cho ông C. Ngày 15/8/2023 ông L1 và ông C đến văn phòng C2 làm Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông L1 và ông C.

Ngoài việc N dùng Thẻ tiết kiệm giả lừa vay tiền của ông L1, ngày 21/4/2023 N còn cầm Thẻ tiết kiệm giả cho tiệm V2 vay 100 triệu đồng và tháng 7/2023 N cầm Sổ hồng giả cho ông Nguyễn Văn N3 ở ấp A xã T huyện T vay 20.000.000 đồng, tuy nhiên N đã chuộc 02 sổ giả này trả lại tiền cho tiệm V1 và ông N3.

Cơ quan điều tra đã xác minh được như sau:

Ngày 21/11/2023 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L2 có Công văn 1343/VPĐKĐĐ xác định Trần Kim N không có thông tin kê khai đăng ký đất đai và cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại các huyện và TP C.

Ngày 04/5/2024 Ngân hàng S1- Chi nhánh C1 có Công văn số 160/2024/CV-CNCM, xác định Ngân hàng không có phát hành sổ tiết kiệm nào do Trần Kim N đứng tên chủ sở hữu (có thông tin như nêu trên).

Quá trình điều tra N thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, số tiền chiếm đoạt của ông L1, N đã sử dụng: Sửa căn nhà của mẹ N hiện nay N đang ở hết khoảng 300 triệu đồng (nhà này được xây dựng trên phần đất do bà Nguyễn Thị N4 là mẹ 6 của N đứng tên), xây nhà mồ cho mẹ của N khoảng 100 triệu đồng, trả các khoản nợ do N nợ trước đó khoảng 300 triệu đồng còn lại chi xài cá nhân. Hiện tại N không có việc làm cũng không có tài sản gì và đang có thai khoảng 6 - 7 tháng.

- Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

+ Về trách nhiệm hình sự:

. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù.

. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 15 năm đến 17 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại 01 tỷ đồng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

- Ông L1 và bà N1 trình bày: Đề nghị xử lý hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật; Yêu cầu bị cáo hoàn trả 01 tỷ đồng chiếm đoạt và bồi thường thiệt hại với mức lãi suất 5%/tháng tính từ ngày nhận tiền 16/5/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin lỗi gia đình bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó có đủ cơ sở kết luận: Đề có tiền trả nợ, sửa nhà, xây nhà mồ cho mẹ và chi xài cá nhân, nên từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2023, Trần Kim N đã lên mạng đặt làm giả Thẻ tiết kiệm có số tiền gửi 2.500.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh C1 (ngày gửi 27/6/2022, ngày đến hạn 27/6/2023, thời hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,3%/năm) để đưa cho vợ chồng ông Ngô Chi L1 xem và tin là N có tài sản, để hỏi vay tiền của vợ chồng ông L1. Vì tin tưởng N có Thẻ tiết kiệm nhưng chưa đến hạn rút, nên vợ chồng ông L1 đã cầm Giấy CNQSD đất để cho N vay tiền và bị N chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng. Với những tình tiết này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, tin tưởng và thiếu kiểm tra để chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông L1. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Bị cáo sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình giảm nhẹ sau đây cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Là phụ nữ đang có thai; Bác ruột tên Trần Văn T3 là liệt sĩ.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và các đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có cơ sở. Hội đồng xét xử cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo thành người tốt cũng như phòng ngừa chung. Do bị cáo phạm nhiều tội, nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo sử dụng Sổ tiết kiệm giả để lừa đảo vợ chồng ông L1 đem cầm Giấy CNQSD đất để cho N vay tiền và bị chiếm đoạt 01 tỷ đồng. Giao dịch vay tiền giữa bị cáo và vợ chồng ông L1 là vô hiệu. Do đó, ngoài khoản tiền 01 tỷ đồng bị cáo phải hoàn trả cho bị hại, thì việc vợ chồng ông L1 yêu cầu bị cáo bồi thường phần lãi suất từ khi giao tiền đến ngày xét xử sơ thẩm không được chấp nhận.

[7] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo được chấp nhận.

[8] Do bị kết án và thanh toán nợ nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

1.1. Tuyên bố bị cáo Trần Kim N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.2. Phạt bị cáo N 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Chi L1 và vợ là bà Trương Mộng N1 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd cấp cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Cục THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế